

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày 16-6-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T-TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị N

2. Bà Nguyễn Ngọc Nh

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Thanh B-Kiểm sát viên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022, Quyết định tạm ngưng phiên tòa ngày 18 tháng 5 năm 2022 và mở lại phiên tòa ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Ngô Văn B - Hộ kinh doanh Ngô Văn B

Địa chỉ: số 25 ấp Tân Long, xã N, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Trà Kh (tên thường gọi Nguyễn Thị H), sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp Phụng Thốt, xã N, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Bùi Ngọc N, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Tân Long, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

4. *Người làm chứng:* ông Dương Minh H, sinh năm 1976. Cư trú: ấp Hoàng Việt, xã Tân Phước, huyện Tân P, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngô Văn B –Hộ kinh doanh Ngô Văn B trình bày: Ngày

18/01/2018 đương lịch bà Nguyễn Thị Trà Kh viết biên nhận nợ tiền mua thức ăn gia súc 400.033.000đồng, đến cuối năm 2018 bà Kh trả được 220.000.000đồng, còn nợ 180.000.000đồng ông có đòi nhiều lần bà Kh không trả. Nay ông yêu cầu bà Kh trả 180.000.000đồng và trả lãi 1%/tháng tính từ ngày 18/01/2018 đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Trà Kh trình bày: Thời gian bà không nhớ nhưng có mua thức ăn gia súc của ông B về nuôi heo nhiều lần và có trả tiền, sau đó mua lại khi tổng kết bà thiếu ông B 100.000.000đồng thì vợ cP ông B ngưng bán và yêu cầu bà phải trả hết số tiền, nên bà trả được 03 lần như sau: Lần thứ nhất trả 30.000.000đồng, lần thứ hai trả 20.000.000đồng và lần thứ ba có trả không nhớ số tiền bao nhiêu, do còn nợ nên bà giao bà K01 chiếc xe tải bán để trừ nợ mà bà K không nói bán được bao nhiêu tiền, bà nghĩ đã trừ hết nợ. Nay bà không đồng ý yêu cầu của ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Bùi Ngọc K tại bản tự khai trình bày: Vợ chồng bà và ông B có bán thức ăn gia súc cho bà Kh nhiều lần thiếu số tiền 400.000.000đồng, sau đó bà Kh bán xe tải trả vợ cP bà 60.000.000đồng, số tiền còn lại bà Kh trả dần tổng cộng 220.000.000đồng. Nay yêu cầu bà Kh trả số tiền tiền còn nợ lại 180.000.000đồng và tính thêm phần lãi.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán” thuộc thẩm quyền giải quyết tòa án tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

Thời gian chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định pháp luật và thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về đảm bảo các nguyên tắc xét xử.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành theo quy định tại Điều 72, 73 BLTTDS năm 2015.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa nhận thấy: Vào năm 2016 đến năm 2018 ông Ngô Văn B bán thức ăn gia súc cho bà Nguyễn Thị Trà Kh. Đến ngày 18/01/2018 hai bên đối chiếu bà Kh nợ ông B 400.000.000đồng và trong quá trình mua bán bà Kh trả dần nhiều lần đến cuối năm 2018 đã trả được 220.000.000đồng, còn nợ 180.000.000đồng. Phía ông B đưa ra chứng cứ là biên nhận nợ ngày 18/01/2018 có chữ ký bà Kh còn bà Kh cho rằng đã hết số tiền nợ nhưng bà Kh không đưa ra chứng cứ chứng minh, do đó ông B yêu cầu là có cơ sở. Ngoài ra tại phiên tòa bà Kh không yêu cầu đưa cP bà và ông Dương Minh H vào tham gia tố tụng, đồng thời bà Kh xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng không được ông B chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

Về lãi suất, tại phiên tòa ông B thấy hoàn cảnh kinh tế bà Kh khó khăn nên không yêu cầu tính lãi, xét thấy đây là sự tự nguyện của ông B và có lợi cho bà Kh nên chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS. Điều 430, 440 Bộ luật dân sự. Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối với bà Bùi Ngọc N, Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định tạm ngừng phiên tòa Tòa hợp lệ, nhưng bà Kvắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét theo quy định pháp luật tố dân sự.

[1.2] Còn đối với vụ án tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” giữa ông Ngô Văn B - Hộ kinh doanh Ngô Văn B với bà Nguyễn Thị Trà Kh là tranh chấp dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy về việc mua bán thức ăn gia súc giữa ông Ngô Văn B với bà Nguyễn Thị Trà Kh không có lập hợp đồng, nhưng hai bên ông B và bà Kh thừa nhận có mua bán với nhau từ năm 2016 đến năm 2018, trong thời gian mua bán bà Kh có mua và có trả tiền và tiếp tục mua lại, đến ngày 18/01/2018 khi đối chiếu số tiền nợ bà Kh nợ ông B 400.033.000đồng. Tại phiên tòa bà Kh thừa nhận biên nhận nợ ngày 18/01/2018 bà viết và ký tên Nguyễn Thị H (tên thường gọi) là do vợ chồng ông B ép buộc bà viết nhưng thực tế bà chỉ còn nợ ông B tiền mua thức ăn là 100.000.000đồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Kh không đưa ra chứng cứ để chứng minh vợ cP ông B ép buộc hoặc đe dọa bà phải viết giấy nợ tiền ngày 18/01/2018. Như vậy cho thấy bà Kh thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 18/01/2018 có thiếu Đại lý H B 400.033.000đồng là phù hợp chứng cứ ông B cung cấp cho Tòa án.

[2.2] Về số tiền nợ đã trả, tại phiên tòa ông B trình bày sau khi viết biên nhận nợ ngày 18/01/2018 bà Kh có trả tiền ông nhiều lần đến năm 2019 trả được số tiền 160.000.000đồng, phía bà Kh thừa nhận khi bà ký nhận nợ thì sau đó bà có trả tiền cho ông B nhiều lần số tiền 160.000.000đồng. Xét thấy việc ông B và bà Kh thống nhất số tiền đã trả 160.000.000đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất này giữa ông B và bà Kh.

[2.3] Còn đối với số tiền 60.000.000đồng, phía ông B trình bày năm 2019 bà Kh bán 01 chiếc xe tải có trả thêm ông 60.000.000đồng, còn bà Kh trình bày đến khoảng tháng 3, 4 năm 2019 do còn nợ tiền ông B nên bà có giao 01 chiếc

xe tải cho bà K vợ ông B bán cho ông H đã trừ hết số tiền nợ của ông B.

Xét thấy bà Kh trình bày giao xe tải cho bà K đứng ra bán cho ông Dương Minh H là có thật, vì căn cứ vào Hợp đồng mua bán xe ô tô tải ngày 22/4/2019 giữa người bán bà Bùi Ngọc K và người mua ông Dương Minh H và biên nhận ngày 22/4/2019 bà K có nhận cọc của H 60.000.000 đồng tiền bán xe. Còn tại phiên bà Kh khai khi giao chiếc xe tải cho bà K bán cho ông H thì bà K với cP bà ông Đào Huy Trung (đã ly hôn) thỏa thuận giá bán xe tải là 220.000.000 đồng, nhưng bà Kh không đưa ra chứng cứ để chứng minh giữa ông Trung và bà K có thỏa thuận giá bán 220.000.000 đồng. Ngoài ra bà Kh khai bà đã ly hôn với ông Đào Huy Trung và hiện nay bà không biết ông Trung cư trú và sinh sống tại đâu nên bà Kh không yêu cầu Tòa án triệu tập ông Trung đến chối chất với bà K bán chiếc xe tải 220.000.000 đồng. Mặt khác bà Kh không yêu cầu triệu tập ông Dương Minh H để đối chất với bà K việc bán 01 chiếc xe tải giá bao nhiêu tiền.

Tuy nhiên theo Hợp đồng mua bán xe ô tô tải ngày 22/4/2019 (bản photo) giữa người bán xe bà Bùi Ngọc K và người mua xe ông Dương Minh H giá 170.000.000 đồng và ông H giao tiền cọc cho bà K 60.000.000 đồng theo biên nhận ngày 22/4/2019. Còn đối với ông H người làm chứng tại phiên tòa ông khai bà K là người kêu bán xe còn bà Kh người làm thủ tục mua bán với ông là phù hợp giấy khai sang tên, di chuyển ngày 31/7/2019 và giấy bán, cho, tặng xe giữa bà Kh với ông H được Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện Tân P, tỉnh Đồng Tháp chứng thực ngày 03/10/2019. Cũng như ông H khai trong lúc ông mua xe tải thì có mặt bà Kh và bà K giá thỏa thuận 170.000.000 đồng, nên ông nhận 100.000.000 đồng để trả tiền thế chấp xe cho bà Kh tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Tiền Giang), bà K vợ ông B nhận 60.000.000 đồng còn lại 10.000.000 đồng bà Kh nhận và hiện nay ông đã bán xe cho người khác. Từ đó cho thấy chiếc xe tải của bà Kh bán cho ông H với giá 170.000.000 đồng, cho nên ngoài số tiền bà Kh đã trả trước đó cho ông B 160.000.000 đồng tiền nợ thì bà Kh còn trả thêm 60.000.000 đồng cho ông B, như vậy bà Kh trả ông B tổng cộng là 220.000.000 đồng, nên tại phiên tòa ông B yêu cầu bà Kh trả ông 180.000.000 đồng, còn bà Kh xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không được ông B đồng ý, nên yêu cầu của ông B là có căn cứ theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về lãi suất, tại phiên tòa ông B không yêu cầu bà Kh trả lãi. Xét thấy ông B không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với bà N, tại bản tự khai bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Trà Kh trả lại 180.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bà cũng là yêu cầu của ông B và đã được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, trong bản tự khai bà K yêu cầu bà Kh trả thêm phần lãi suất, nhưng tại phiên tòa ông B không yêu cầu bà Kh trả lãi, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Còn đối với ông Đào Huy Trung cP bà Kh (bà Kh và ông Trung đã ly hôn năm 2018) và ông Dương Minh H người mua chiếc xe tải, tại phiên tòa bà Kh không yêu cầu Tòa án đưa ông Trung và ông H vào tham gia tố tụng. Xét thấy, đối với ông Trung hiện nay bà Kh không biết ông cư trú và sinh sống tại đâu, cũng như việc thỏa thuận giá bán xe tải giữa bà K với ông Trung do bà Kh trình bày, nên Tòa án không đưa ông Trung vào tham gia tố tụng. Còn ông H là người mua xe tải của bà Kh, nên xác định ông H là người làm chứng để chứng minh cho việc bà K bán xe của bà Kh số tiền bao nhiêu nhằm có căn cứ xác định bà Kh trả ông B bao nhiêu tiền để khấu trừ tiền nợ ông B và bà N, nên Tòa án không đưa ông H vào tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] Về án phí: bà Nguyễn Thị Trà Kh có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; còn ông Ngô Văn B yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được hoàn trả lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn B - Chủ hộ kinh doanh Ngô Văn B.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Trà Kh có nghĩa vụ trả ông Ngô Văn B - Chủ hộ kinh doanh Ngô Văn B 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Trà Kh phải chịu 9.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Hoàn trả ông Ngô Văn B 5.670.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004069 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H